

**Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam -  
Công ty Cổ phần**

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



# Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 36

# Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) được cổ phần hóa theo Quyết định số 446/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) Công ty Cổ phần số 0300585984 ngày 31 tháng 12 năm 2014, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh dầu, mỡ động, thực vật.

Tổng Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 58 Đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và hai (2) chi nhánh đặt tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và số 8 Đường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Kim Thành	Chủ tịch
Ông Trần Lê Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên
Ông Đinh Quốc Hưng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Trang	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2017
Bà Huỳnh Ngọc Nữ Phương Nga	Thành viên	bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2017
Bà Trần Thị Hồng Lĩnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2017
Bà Lê Nguyễn Thị Mai Ngân	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2017
Ông Văn Tích Vĩnh	Thành viên	từ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Oanh	Thành viên	từ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2017

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hùng Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đinh Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Dương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2017

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

# Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.


Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Tổng Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đề ngày 20 tháng 3 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn 

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Thị Xuân Liễu  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 61352465/19456123

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) được lập ngày 20 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 20 tháng 3 năm 2018 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 24 tháng 2 năm 2017.



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

Hàng Nhật Quang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số 1772-2018-004-1

Lương Kim Diên An  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số 2736-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –  
Công ty Cổ phần

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.196.521.935.783</b>	<b>911.787.441.544</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>147.999.804.729</b>	<b>126.872.599.785</b>
111	1. Tiền		147.999.804.729	126.872.599.785
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>290.955.873.731</b>	<b>131.805.834.641</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11.1	290.955.873.731	131.805.834.641
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>414.460.461.974</b>	<b>306.528.388.980</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	411.194.501.438	304.649.150.823
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	458.283.700	1.353.175.585
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	7.093.395.838	5.306.897.108
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(4.871.517.660)	(5.490.803.357)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		585.798.658	709.968.821
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>303.192.971.927</b>	<b>314.504.336.746</b>
141	1. Hàng tồn kho		303.880.065.657	314.504.336.746
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(687.093.730)	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>39.912.823.422</b>	<b>32.076.281.392</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	519.274.577	1.907.606.826
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		24.080.914.150	14.025.073.776
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	15.312.634.695	16.143.600.790

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –  
Công ty Cổ phần

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.193.448.473.349</b>	<b>1.401.491.579.382</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>265.000.000</b>	<b>265.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		265.000.000	265.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>182.108.893.157</b>	<b>199.232.015.937</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	180.841.075.130	197.860.177.842
222	Nguyên giá		408.625.277.459	402.084.382.118
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(227.784.202.329)	(204.224.204.276)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	1.267.818.027	1.371.838.095
228	Nguyên giá		4.660.083.240	4.660.083.240
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.392.265.213)	(3.288.245.145)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>10</b>	<b>5.370.446.842</b>	<b>5.771.220.512</b>
231	1. Nguyên giá		11.797.057.729	13.541.739.732
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(6.426.610.887)	(7.770.519.220)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>3.974.115.000</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	3.974.115.000
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11.2</b>	<b>990.477.696.254</b>	<b>1.166.595.381.660</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		76.703.848.000	114.604.406.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		945.364.071.361	1.099.183.414.184
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		21.646.946.823	-
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(53.237.169.930)	(47.192.438.524)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>15.226.437.096</b>	<b>25.653.846.273</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	15.226.437.096	25.653.846.273
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.389.970.409.132</b>	<b>2.313.279.020.926</b>



Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –  
Công ty Cổ phần

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>824.873.015.236</b>	<b>774.803.865.248</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>812.915.764.663</b>	<b>761.654.411.322</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	235.373.428.526	311.939.779.459
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	2.606.020.241	9.944.862.703
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	369.950.640	1.127.227.743
314	4. Phải trả người lao động	14	5.878.641.000	5.289.016.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	3.163.867.579	4.646.245.098
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	114.614.775.342	69.966.842.653
320	7. Vay ngắn hạn	17	442.295.745.022	353.381.269.190
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	8.613.336.313	5.359.168.476
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>11.957.250.573</b>	<b>13.149.453.926</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		317.250.000	497.827.000
338	2. Nợ dài hạn	17	11.640.000.573	12.651.626.926
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.565.097.393.896</b>	<b>1.538.475.155.678</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19.1</b>	<b>1.565.097.393.896</b>	<b>1.538.475.155.678</b>
411	1. Vốn cổ phần		1.218.000.000.000	1.218.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.218.000.000.000	1.218.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		27.297.789.712	5.100.000.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		319.799.604.184	315.375.155.678
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		152.775.155.678	43.353.347.587
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		167.024.448.506	272.021.808.091
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.389.970.409.132</b>	<b>2.313.279.020.926</b>

  
Nguyễn Phương Minh  
Người lập

  
Hồ Minh Sơn  
Kế toán trưởng



Ngày 20 tháng 3 năm 2018

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –  
Công ty Cổ phần

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	4.291.005.606.525	4.158.274.039.249
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(1.555.051.963)	(1.852.265.296)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	4.289.450.554.562	4.156.421.773.953
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(4.125.899.345.087)	(3.959.286.387.390)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		163.551.209.475	197.135.386.563
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	153.882.501.486	221.186.496.921
22	7. Chi phí tài chính	22	(32.302.581.918)	(9.171.893.985)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(25.016.026.242)	(26.562.503.815)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(64.830.934.581)	(64.799.280.920)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(57.413.781.546)	(72.923.607.465)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		162.886.412.916	271.427.101.114
31	11. Thu nhập khác	25	4.659.081.432	923.827.117
32	12. Chi phí khác	25	(521.045.842)	(329.120.140)
40	13. Lợi nhuận khác	25	4.138.035.590	594.706.977
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		167.024.448.506	272.021.808.091
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	-	-
60	16. Lợi nhuận thuần sau thuế		167.024.448.506	272.021.808.091

  
Nguyễn Phương Minh  
Người lập

  
Hồ Minh Sơn  
Kế toán trưởng

  
  
Nguyễn Thị Xuân Liễu  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>167.024.448.506</b>	<b>272.021.808.091</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8, 9, 10	22.563.692.993	26.439.156.582
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		6.112.539.439	(67.910.742.643)
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(18.184.233)	140.807.251
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(146.096.092.922)	(214.414.942.319)
06	Chi phí lãi vay	22	25.016.026.242	26.562.503.815
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>74.602.430.025</b>	<b>42.838.590.777</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(109.582.881.590)	30.457.014.593
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		10.624.271.089	(53.967.135.438)
11	Giảm các khoản phải trả		(41.014.743.031)	(103.982.973.400)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		6.813.531.138	(772.081.353)
14	Tiền lãi vay đã trả		(25.035.136.941)	(26.803.420.774)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	18	(10.345.832.163)	(5.143.131.211)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(93.938.361.473)</b>	<b>(117.373.136.806)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(409.410.909)	(7.045.496.027)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	20.909.091
23	Tiền chi mua trái phiếu và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(209.150.039.090)	(181.805.834.641)
24	Tiền thu hồi từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		50.000.000.000	50.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(7.200.000.000)	(7.846.912.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		211.936.211.578	327.453.322.808
27	Tiền thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia		103.825.751.495	237.977.044.271
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>149.002.513.074</b>	<b>418.753.033.502</b>


Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –  
Công ty Cổ phần


B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay nhận được	17	2.546.270.453.722	2.280.368.567.932
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	17	(2.458.337.071.576)	(2.540.201.904.994)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả	19.2	(121.800.000.000)	-
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(33.866.617.854)</b>	<b>(259.833.337.062)</b>
<b>50</b>	<b>Tăng tiền thuần trong năm</b>		<b>21.197.533.747</b>	<b>41.546.559.634</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu năm</b>		<b>126.872.599.785</b>	<b>85.329.190.049</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(70.328.803)	(3.149.898)
<b>70</b>	<b>Tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>147.999.804.729</b>	<b>126.872.599.785</b>

  
Nguyễn Phương Minh  
Người lập

  
Hồ Minh Sơn  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Xuân Liễu  
Tổng Giám đốc



Ngày 20 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) được cổ phần hóa theo Quyết định số 446/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) Công ty Cổ phần số 0300585984 ngày 31 tháng 12 năm 2014, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh dầu, mỡ động, thực vật.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tổng Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 58 Đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và hai (2) chi nhánh đặt tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và số 8 Đường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 209 (31 tháng 12 năm 2016 là: 326).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Tổng Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11.2.1. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Tổng Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đề ngày 20 tháng 3 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

**2.2 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tổng Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tổng Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	- Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	- Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất đã được Tổng Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được phân bổ.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	3 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	46 năm
Phần mềm máy tính	8 năm

#### 3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 *Bất động sản đầu tư* (tiếp theo)

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc 16 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

#### 3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

#### 3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tổng Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

#### 3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Lợi thế kinh doanh*

Lợi thế kinh doanh, là giá trị được tạo ra từ hoạt động của một Tổng Công ty Nhà nước kể từ ngày thành lập cho đến ngày thực hiện định giá và cổ phần hóa, được xác định theo Thông tư số 127/2014/TT-BTC (“Thông tư 127”) của Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2014. Giá trị lợi thế kinh doanh đã được đánh giá lại trong năm 2015 theo Biên bản Quyết toán cổ phần hóa ngày 22 tháng 12 năm 2015. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

#### 3.11 *Các khoản đầu tư*

##### *Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ với giá trị đầu tư.

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư.

**3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

##### *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.

##### *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

##### *Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

#### 3.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tổng Công ty được xác lập.

#### 3.16 *Thuế*

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)*

Tổng Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

**Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –  
Công ty Cổ phần**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. TIỀN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	147.530.058	153.088.675
Tiền gửi ngân hàng	147.852.274.671	126.719.511.110
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>147.999.804.729</b>	<b>126.872.599.785</b>

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>411.194.501.438</b>	<b>304.649.150.823</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	<i>362.833.346.749</i>	<i>288.624.065.151</i>
<i>Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam</i>	<i>11.336.231.500</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH Container Sài Gòn</i>	<i>7.579.731.003</i>	<i>3.581.456.393</i>
<i>Công ty Cổ phần Thực phẩm Á Châu</i>	<i>5.741.617.200</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Thủ Đức</i>	<i>4.252.232.000</i>	<i>4.252.232.000</i>
<i>Khác</i>	<i>19.451.342.986</i>	<i>8.191.397.279</i>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>458.283.700</b>	<b>1.353.175.585</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>7.093.395.838</b>	<b>5.306.897.108</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Lãi tiền gửi</i>	<i>3.643.362.776</i>	<i>2.115.922.397</i>
<i>Bảo hiểm bồi thường</i>	<i>146.699.304</i>	<i>1.553.726.666</i>
<i>Khác</i>	<i>3.303.333.758</i>	<i>1.637.248.045</i>
<b>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>(4.871.517.660)</b>	<b>(5.490.803.357)</b>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>413.874.663.316</b>	<b>305.818.420.159</b>

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –  
Công ty Cổ phần

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)**

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.490.803.357	5.490.803.357
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(619.285.697)	-
Số cuối năm	<u>4.871.517.660</u>	<u>5.490.803.357</u>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	243.973.046.375	31.932.387.847
Thành phẩm	43.229.303.050	62.059.850.891
Nguyên vật liệu	12.101.573.794	216.029.222.374
Công cụ, dụng cụ	2.579.514.956	3.194.449.104
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.996.627.482	1.288.426.530
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>303.880.065.657</b>	<b>314.504.336.746</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(687.093.730)	-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>303.192.971.927</u></b>	<b><u>314.504.336.746</u></b>

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>519.274.577</b>	<b>1.907.606.826</b>
Công cụ, dụng cụ	239.291.575	408.924.809
Chi phí tài trợ quảng cáo	-	624.999.999
Khác	279.983.002	873.682.018
<b>Dài hạn</b>	<b>15.226.437.096</b>	<b>25.653.846.273</b>
Lợi thế kinh doanh	13.756.078.297	20.463.587.545
Công cụ, dụng cụ	124.498.891	323.617.297
Chi phí nạo vét, duy tu cảng	-	2.247.675.680
Khác	1.345.859.908	2.618.965.751
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>15.745.711.673</u></b>	<b><u>27.561.453.099</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	172.298.435.691	221.469.297.667	4.402.652.248	3.913.996.512	402.084.382.118
Mua mới trong năm	-	186.960.000	366.841.818	-	553.801.818
Tăng do sáp nhập kinh doanh	-	-	668.967.429	-	668.967.429
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	3.829.724.091	-	-	3.829.724.091
Phân loại lại	1.744.682.003	-	-	-	1.744.682.003
Thanh lý	-	-	-	(256.280.000)	(256.280.000)
Số cuối năm	<u>174.043.117.694</u>	<u>225.485.981.758</u>	<u>5.438.461.495</u>	<u>3.657.716.512</u>	<u>408.625.277.459</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	24.436.660.945	42.382.248.819	4.402.652.248	2.374.514.532	73.596.076.544
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số đầu năm	(66.499.478.871)	(130.649.350.472)	(4.374.775.516)	(2.700.599.417)	(204.224.204.276)
Khấu hao trong năm	(6.452.179.486)	(15.050.143.857)	(292.432.527)	(264.143.385)	(22.058.899.255)
Phân loại lại	(1.744.682.003)	-	-	-	(1.744.682.003)
Thanh lý	-	-	-	243.583.205	243.583.205
Số cuối năm	<u>(74.696.340.360)</u>	<u>(145.699.494.329)</u>	<u>(4.667.208.043)</u>	<u>(2.721.159.597)</u>	<u>(227.784.202.329)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	<u>105.798.956.820</u>	<u>90.819.947.195</u>	<u>27.876.732</u>	<u>1.213.397.095</u>	<u>197.860.177.842</u>
Số cuối năm	<u>99.346.777.334</u>	<u>79.786.487.429</u>	<u>771.253.452</u>	<u>936.556.915</u>	<u>180.841.075.130</u>

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –  
Công ty Cổ phần

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm và số cuối năm	2.595.135.240	2.064.948.000	4.660.083.240
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	2.064.948.000	2.064.948.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số đầu năm	(1.223.297.145)	(2.064.948.000)	(3.288.245.145)
Hao mòn trong năm	(104.020.068)	-	(104.020.068)
Số cuối năm	(1.327.317.213)	(2.064.948.000)	(3.392.265.213)
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	1.371.838.095	-	1.371.838.095
Số cuối năm	1.267.818.027	-	1.267.818.027

**10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	VND	
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	13.541.739.732	
Phân loại lại	(1.744.682.003)	
Số cuối năm	11.797.057.729	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số đầu năm	(7.770.519.220)	
Khấu hao trong năm	(400.773.670)	
Phân loại lại	1.744.682.003	
Số cuối năm	(6.426.610.887)	
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	5.771.220.512	
Số cuối năm	5.370.446.842	

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –  
Công ty Cổ phần

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**11.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tiền gửi có kỳ hạn (*)</b>	<b>190.955.873.731</b>	<b>131.805.834.641</b>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	190.955.873.731	81.805.834.641
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	50.000.000.000
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>	<b>100.000.000.000</b>	-
Trái phiếu – Công ty Cổ phần Chứng khoán Rông Việt (**)	100.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>290.955.873.731</b>	<b>131.805.834.641</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm và có lãi suất 7,1%/năm.

(\*\*) Các trái phiếu có kỳ hạn gốc mười hai tháng và hưởng lãi suất 9,5%/năm.

**11.2 Đầu tư tài chính dài hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 11.2.1)	76.703.848.000	114.604.406.000
Đầu tư vào các công ty liên kết (Thuyết minh số 11.2.2)	945.364.071.361	1.099.183.414.184
Đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh số 11.2.3)	21.646.946.823	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.043.714.866.184</b>	<b>1.213.787.820.184</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(53.237.169.930)	(47.192.438.524)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>990.477.696.254</b>	<b>1.166.595.381.660</b>
Trong đó:		
Đầu tư vào công ty con	70.659.116.594	114.604.406.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	898.171.632.837	1.051.990.975.660
Đầu tư vào đơn vị khác	21.646.946.823	-



Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –  
Công ty Cổ phần

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**11.2 Đầu tư tài chính dài hạn** (tiếp theo)

**11.2.1 Đầu tư vào công ty con**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày như sau:

Tên công ty con	Số cuối năm			Số đầu năm		
	%	Vốn đầu tư	Dự phòng	%	Vốn đầu tư	Dự phòng
		VND			VND	
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu Thực vật ("VPK")	51,05	76.703.848.000	(6.044.731.406)	46,56	71.676.672.000	-
Công ty TNHH Trích ly Dầu Thực vật ("VOE") (*)	-	-	-	100,00	26.800.921.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dầu Thực vật ("VOT") (*)	-	-	-	100,00	16.126.813.000	-
<b>TOTAL</b>		<b>76.703.848.000</b>	<b>(6.044.731.406)</b>		<b>114.604.406.000</b>	<b>-</b>

VPK là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001186 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 10 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của VPK là sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì. VPK có trụ sở và nhà máy đăng ký tại Lô 6-12 Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

(\*) Vào ngày 28 tháng 2 năm 2017, VOE và VOT đã được sáp nhập vào Tổng Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Bất thường Số 01/NQ-HDCD ngày 20 tháng 1 năm 2017. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của VOE và VOT vào ngày sáp nhập được trình bày như sau:

	VOE	VND VOT
<b>Tài sản</b>	<b>24.547.428.093</b>	<b>16.576.494.460</b>
Tiền	17.551.141.044	12.922.817.586
Đầu tư ngắn hạn	3.817.853.237	2.826.954.422
Các khoản phải thu	3.178.433.812	826.722.452
<b>Nợ phải trả</b>	<b>2.906.186.825</b>	<b>1.060.591.655</b>
Các khoản phải trả	2.894.442.556	941.250.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.744.269	119.341.655
<b>Tổng tài sản thuần</b>	<b>21.641.241.268</b>	<b>15.515.902.805</b>
Điều chỉnh theo giá trị hợp lý	8.678.718.192	2.200.221.578
Giá trị khoản đầu tư	(26.800.921.000)	(16.126.813.000)
<b>Lãi từ sáp nhập kinh doanh</b> (Thuyết minh số 20.2)	<b>3.519.038.460</b>	<b>1.589.311.383</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**11.2 Đầu tư tài chính dài hạn** (tiếp theo)

**11.2.2 Đầu tư vào các công ty liên kết**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Số cuối năm			Số đầu năm		
	%	Vốn đầu tư VND	Dự phòng	%	Vốn đầu tư VND	Dự phòng
Công ty TNHH Dầu Thực vật Cái Lân	24,00	572.600.582.675	-	24,00	572.600.582.675	-
Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An	26,54	247.049.222.600	-	27,00	235.221.618.600	-
Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina	40,00	78.521.827.562	-	40,00	71.321.827.562	-
Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè	49,00	47.192.438.524	(47.192.438.524)	49,00	47.192.438.524	(47.192.438.524)
Công ty TNHH Dầu Thực vật Khu vực Miền Bắc Việt Nam	-	-	-	30,00	151.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tân Bình	-	-	-	17,84	21.646.946.823	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>945.364.071.361</b>	<b>(47.192.438.524)</b>		<b>1.099.183.414.184</b>	<b>(47.192.438.524)</b>

Công ty TNHH Dầu Thực vật Cái Lân (“Calofic”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư (“GCNĐT”) số 2148108377 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Quảng Ninh cấp ngày 30 tháng 12 năm 2015 và các GCNĐT điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh dầu, mỡ động, thực vật. Calofic có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Cái Lân, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An (“TAC”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0303498754 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 9 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của TAC là sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các hạt có dầu, thạch dừa; sản xuất, kinh doanh các loại bao bì đóng gói; xuất khẩu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất chế biến ngành dầu thực vật. TAC có trụ sở đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina (“LG Vina”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3600254869 do SKHĐT Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 22 tháng 10 năm 1997 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mỹ phẩm. LG Vina có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 2, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè (“Golden Hope”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0300832672 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 9 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh dầu, mỡ động, thực vật. Golden Hope có trụ sở đăng ký tại số 370 Gò Ô Môi, Khu phố 2, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –  
Công ty Cổ phần

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**11.2 Đầu tư tài chính dài hạn** (tiếp theo)

**11.2.3 Đầu tư vào đơn vị khác**

Số dư cuối kỳ thể hiện giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tân Bình (“Nakydaco”) do Tổng Công ty không còn ảnh hưởng đáng kể đối với Nakydaco kể từ ngày 28 tháng 2 năm 2017.

Nakydaco được cổ phần hóa theo Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) Công ty Cổ phần số 0303587122 ngày 10 tháng 12 năm 2004, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh dầu, mỡ động, thực vật. Nakydaco có trụ sở đăng ký tại số 899 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 28</i> )	2.172.990.931	961.030.399
Denali Trading Pte Ltd	185.023.972.474	153.126.359.143
Wilmar Trading Pte Ltd	40.988.081.894	145.891.074.722
Khác	7.188.383.227	11.961.315.195
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>235.373.428.526</u></b>	<b><u>311.939.779.459</u></b>

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Veng Seng	944.166.388	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Phú Cường	313.474.150	313.474.150
Công ty Cổ phần Huy Mai	210.242.550	1.790.868.400
Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Naeng Pov	-	1.004.355.300
Khác	1.138.137.153	6.836.164.853
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.606.020.241</u></b>	<b><u>9.944.862.703</u></b>

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –  
Công ty Cổ phần

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(15.290.710.023)	-	(21.924.672)	(15.312.634.695)
Thuế thu nhập cá nhân	597.791.505	3.339.713.531	(3.655.055.036)	282.450.000
Tiền thuê đất	529.436.238	689.334.397	(1.131.269.995)	87.500.640
Thuế khác	(852.890.767)	22.643.618.130	(21.790.727.363)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>(15.016.373.047)</b>	<b>26.672.666.058</b>	<b>(26.598.977.066)</b>	<b>(14.942.684.055)</b>
<i>Trong đó:</i>				
Thuế nộp thừa	(16.143.600.790)			(15.312.634.695)
Thuế phải nộp	1.127.227.743			369.950.640

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí vận chuyển	863.673.882	-
Chi phí tiếp thị	774.555.113	1.814.610.623
Chi phí lãi vay	333.193.276	352.303.975
Chi phí phải trả khác	1.192.445.308	2.479.330.500
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.163.867.579</b>	<b>4.646.245.098</b>

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hợp đồng ngoại tệ có kỳ hạn	99.423.983.854	-
Phải trả cổ phần hóa	12.716.244.592	60.195.502.292
Hàng hóa tạm mượn	1.975.365.000	7.247.166.472
Nhận ký quỹ ngắn hạn	165.033.900	73.839.600
Kinh phí công đoàn và Bảo hiểm xã hội	-	507.225.831
Các khoản phải trả, phải nộp khác	334.147.996	1.943.108.458
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>114.614.775.342</b>	<b>69.966.842.653</b>
<i>Trong đó:</i>		
Bên liên quan (Thuyết minh số 28)	1.975.365.000	8.821.551.916
Bên khác	112.639.410.342	61.145.290.737

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. VAY VÀ NỢ**

	Số đầu năm	Nhận tiền vay	Trả tiền vay	Phân loại lại	Đánh giá lại	VND Số cuối năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>353.381.269.190</b>	<b>2.546.270.453.722</b>	<b>(2.458.337.071.576)</b>	<b>981.093.686</b>	-	<b>442.295.745.022</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.1)	352.397.802.064	2.546.270.453.722	(2.457.353.604.450)	-	-	441.314.651.336
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17.2)	983.467.126	-	(983.467.126)	981.093.686	-	981.093.686
<b>Dài hạn</b>	<b>12.651.626.926</b>	-	-	<b>(981.093.686)</b>	<b>(30.532.667)</b>	<b>11.640.000.573</b>
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 (Thuyết minh số 17.2)	12.651.626.926	-	-	(981.093.686)	(30.532.667)	11.640.000.573
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>366.032.896.116</b>	<b>2.546.270.453.722</b>	<b>(2.458.337.071.576)</b>	-	<b>(30.532.667)</b>	<b>453.935.745.595</b>

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –  
Công ty Cổ phần

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. VAY VÀ NỢ** (tiếp theo)

**17.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng**

Tổng Công ty dùng các khoản vay tín chấp ngắn hạn từ ngân hàng thương mại nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Số cuối này được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	312.110.020.306	Từ ngày 17 tháng 2 năm 2018 đến ngày 15 tháng 3 năm 2018	5,0 – 7,0
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	129.204.631.030	Từ ngày 5 tháng 2 năm 2018 đến ngày 7 tháng 3 năm 2018	3,0 – 5,0
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>441.314.651.336</u></b>		

**17.2 Nợ dài hạn**

Tổng Công ty có khoản vay tín chấp không lãi suất với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 liên quan đến khoản thuê đất để xây dựng nhà máy tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch II, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thuê đất số 115/1988/HDTD ngày 12 tháng 5 năm 1988. Tổng Công ty dùng khu đất trên để góp vốn thành lập Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina. Chi tiết được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Ngày đến hạn
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	<u>12.621.094.259</u>	Từ ngày 12 tháng 5 năm 2018 đến ngày 12 tháng 5 năm 2028
Trong đó:		
Nợ dài hạn đến hạn trả	981.093.686	
Nợ dài hạn	11.640.000.573	

**18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	Số đầu năm	Trích lập quỹ	Sử dụng quỹ	Số cuối năm VND
Quỹ khen thưởng	3.313.855.001	9.520.000.000	(7.406.080.000)	5.427.775.001
Quỹ phúc lợi	1.904.327.151	4.080.000.000	(2.939.752.163)	3.044.574.988
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	140.986.324	-	-	140.986.324
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.359.168.476</u></b>	<b><u>13.600.000.000</u></b>	<b><u>(10.345.832.163)</u></b>	<b><u>8.613.336.313</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

				VND
	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>				
Số đầu năm	1.218.000.000.000	-	51.003.347.587	1.269.003.347.587
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	272.021.808.091	272.021.808.091
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	5.100.000.000	(5.100.000.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.550.000.000)	(2.550.000.000)
Số cuối năm	<u>1.218.000.000.000</u>	<u>5.100.000.000</u>	<u>315.375.155.678</u>	<u>1.538.475.155.678</u>
<b>Năm nay</b>				
Số đầu năm	1.218.000.000.000	5.100.000.000	315.375.155.678	1.538.475.155.678
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	167.024.448.506	167.024.448.506
Cổ tức công bố	-	-	(121.800.000.000)	(121.800.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	27.200.000.000	(27.200.000.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(13.600.000.000)	(13.600.000.000)
Sử dụng quỹ	-	(5.002.210.288)	-	(5.002.210.288)
Số cuối năm	<u>1.218.000.000.000</u>	<u>27.297.789.712</u>	<u>319.799.604.184</u>	<u>1.565.097.393.896</u>

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –  
Công ty Cổ phần

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần</b>		
Số đầu năm và số cuối năm	<u>1.218.000.000.000</u>	<u>1.218.000.000.000</u>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức công bố trong năm	121.800.000.000	-
Cổ tức đã trả trong năm	(121.800.000.000)	-

**19.3 Cổ phiếu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
	Cổ phiếu đã được duyệt	121.800.000	1.218.000.000.000	121.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ				
Cổ phiếu phổ thông	121.800.000	1.218.000.000.000	121.800.000	1.218.000.000.000

**20. DOANH THU**

**20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>4.291.005.606.525</b>	<b>4.158.274.039.249</b>
Doanh thu bán hàng hóa	3.273.713.243.035	3.557.778.254.293
Doanh thu bán thành phẩm	997.907.915.365	567.141.916.174
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.904.960.293	32.830.449.232
Khác	479.487.832	523.419.550
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>1.555.051.963</b>	<b>1.852.265.296</b>
Hàng bán bị trả lại	1.106.336.865	1.712.398.738
Chiết khấu thương mại	448.715.098	113.510.916
Giảm giá hàng bán	-	26.355.642
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>4.289.450.554.562</b>	<b>4.156.421.773.953</b>
Trong đó:		
Các bên liên quan	3.384.435.711.719	3.192.668.958.495
Các bên khác	905.014.842.843	963.752.815.458



Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –  
Công ty Cổ phần

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. DOANH THU (tiếp theo)**

**20.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức và lợi nhuận được chia	90.797.007.785	136.373.384.976
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	30.400.000.000	68.784.244.800
Lãi tiền gửi ngân hàng và trái phiếu	19.803.432.089	9.734.916.251
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.755.527.536	6.293.950.894
Lãi từ sáp nhập kinh doanh	5.108.349.843	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	18.184.233	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>153.882.501.486</u></b>	<b><u>221.186.496.921</u></b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	3.151.712.379.509	3.383.521.684.685
Giá vốn thành phẩm đã bán	970.608.893.239	558.152.724.077
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.741.802.014	17.140.520.013
Khác	836.270.325	471.458.615
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.125.899.345.087</u></b>	<b><u>3.959.286.387.390</u></b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	25.016.026.242	26.562.503.815
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn	6.044.731.406	(67.759.314.000)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.241.824.270	2.331.834.027
Chi phí lãi phải trả về cổ phần hóa	-	47.479.257.700
Khác	-	557.612.443
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>32.302.581.918</u></b>	<b><u>9.171.893.985</u></b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương	17.227.302.843	14.241.909.980
Chi phí vận chuyển	13.584.359.562	10.158.259.985
Quảng cáo và khuyến mãi	12.244.143.301	21.236.216.514
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.221.157.686	8.395.189.496
Chi phí khấu hao	1.944.335.843	31.593.642
Chi phí khác	10.609.635.346	10.736.111.303
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>64.830.934.581</u></b>	<b><u>64.799.280.920</u></b>

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –  
Công ty Cổ phần

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương	27.825.391.877	32.934.251.612
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.612.627.037	10.292.746.033
Chi phí khấu hao và hao mòn	4.956.735.420	10.907.981.645
Công cụ, dụng cụ	969.296.123	1.722.451.562
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(619.285.697)	(151.428.643)
Chi phí khác	14.669.016.786	17.217.605.256
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>57.413.781.546</u></b>	<b><u>72.923.607.465</u></b>

**25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>4.659.081.432</b>	<b>923.827.117</b>
Thuế tự vệ được hoàn	2.659.820.264	-
Tiền bồi thường nhận được	1.323.975.152	198.712.796
Khác	675.286.016	725.114.321
<b>Chi phí khác</b>	<b><u>(521.045.842)</u></b>	<b><u>(329.120.140)</u></b>
<b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b><u>4.138.035.590</u></b>	<b><u>594.706.977</u></b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	1.185.462.371.080	1.040.243.895.424
Chi phí lương	54.483.389.265	61.965.374.373
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.486.056.168	59.649.780.062
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 8, 9 và 10)	22.563.692.993	26.439.156.582
Chi phí khác	30.484.130.485	29.957.290.474
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.344.479.639.991</u></b>	<b><u>1.218.255.496.915</u></b>

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế (Năm 2016: 20%).

Báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –  
Công ty Cổ phần**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế TNDN và tổng lợi nhuận kế toán trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>167.024.448.506</b>	<b>272.021.808.091</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	33.404.889.701	54.404.361.618
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.505.479.778	1.963.504.812
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(18.159.401.557)	(27.274.676.995)
Lỗ thuế năm trước chuyển sang	(17.750.967.922)	(29.093.189.435)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**27.1 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Tổng Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tổng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**27.2 Lỗ thuế chuyển sang các năm sau**

Tổng Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tổng Công ty có khoản lỗ thuế lũy kế ước tính là 89.361.104.763 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 178.115.944.373 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	VND			
		Lỗ tính thuế	Lỗ đã chuyển trong năm	Lỗ không được chuyển	Lỗ chưa chuyển vào ngày 31 tháng 12 năm 2017
2012	2017	21.304.224.882	(21.304.224.882)	-	-
2013	2018	43.329.712.772	(43.329.712.772)	-	-
2015 (*)	2020	113.482.006.719	(24.120.901.956)	-	89.361.104.763
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>178.115.944.373</b>	<b>(88.754.839.610)</b>	<b>-</b>	<b>89.361.104.763</b>

(\*) Lỗ thuế ước tính nêu trên của Tổng Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Tổng Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với số lỗ thuế lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 nêu trên do tại thời điểm này, Tổng Công ty không thể dự tính được thu nhập chịu thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:*

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư hoặc nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
TAC	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	2.498.322.301.431	2.431.877.844.335
		Cổ tức được nhận	14.388.369.600	11.615.880.000
		Thoái vốn	-	209.085.883.200
Nakydaco	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	773.748.607.920	630.432.228.530
		Mua hàng hóa	1.293.800.000	1.129.961.320
		Cổ tức được nhận	1.274.636.000	1.274.636.000
VOE	Công ty con	Cổ tức được nhận	4.347.248.000	-
		Thoái vốn	-	50.000.000.000
VOT	Công ty con	Cổ tức được nhận	900.000.000	-
Golden Hope	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	106.512.099.920	117.008.826.700
		Mượn hàng hóa	15.181.941.350	9.922.255.644
		Cung cấp dịch vụ	3.661.726.248	4.849.095.330
		Phí dịch vụ gia công dầu	1.541.602.461	795.220.490
Calofic	Công ty liên kết	Cổ tức được nhận	45.397.387.665	106.277.877.797
		Cung cấp dịch vụ	962.104.000	8.426.313.200
		Mua hàng hóa	891.778.000	3.970.285.000
		Góp vốn đầu tư	-	62.696.582.675
VPK	Công ty con	Mua bao bì	2.229.100.188	4.699.698.130
		Góp vốn đầu tư	-	3.846.912.000
		Cổ tức được nhận	-	3.532.800.000
LG Vina	Công ty liên kết	Cổ tức được nhận	24.489.366.520	13.672.191.179
		Góp vốn đầu tư	7.200.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido ("KDC")	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	5.019.294.821	-
		Bán nguyên vật liệu	850.647.300	147.551.636.075
		Cung cấp dịch vụ	344.908.340	10.492.286.608
		Cổ tức đã trả	29.232.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
TAC	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	299.498.188.913	176.115.513.888
Nakydaco	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	57.974.151.752	45.745.441.060
Golden Hope	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu và cung cấp dịch vụ	5.361.006.084	52.337.974.051
KDC	Công ty mẹ	Bán nguyên vật liệu và cung cấp dịch vụ	-	14.425.136.152
			<b>362.833.346.749</b>	<b>288.624.065.151</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
KDC	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	1.900.831.461	3.423.419
Golden Hope	Công ty liên kết	Phí gia công	272.159.470	51.574.512
VPK	Công ty con	Mua bao bì	-	906.032.468
			<b>2.172.990.931</b>	<b>961.030.399</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
Golden Hope	Công ty liên kết	Mượn nguyên liệu	1.975.365.000	6.889.878.000
VOE	Công ty con	Chi trả hộ Mượn công cụ, dụng cụ	-	1.574.385.444
			-	217.442.687
VOT	Công ty con	Mượn công cụ, dụng cụ	-	139.845.785
			<b>1.975.365.000</b>	<b>8.821.551.916</b>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và các lợi ích khác	<u>6.643.560.000</u>	<u>7.568.656.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tổng Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	594.686.399	594.686.399
Từ 1 đến 5 năm	2.378.745.597	2.378.745.597
Trên 5 năm	15.137.529.746	15.732.216.145
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.110.961.742</b>	<b>18.705.648.141</b>



**30. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM**

- a. *Sáp nhập Công ty TNHH Trích ly Dầu Thực vật ("VOE") và Công ty TNHH Thương mại Dầu Thực vật ("VOT")*

Vào ngày 28 tháng 2 năm 2017, VOE và VOT đã được sáp nhập vào Tổng Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Bất thường Số 01/NQ-HDCD ngày 20 tháng 1 năm 2017. Theo đó, toàn bộ quyền và nghĩa vụ của VOE và VOT được chuyển giao cho Tổng Công ty. Tổng Công ty cũng đã ghi giảm giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào VOE và VOT tương ứng với số tiền lần lượt là 26.800.921.000 VND và 16.126.813.000 VND.

- b. *Chuyển nhượng khoản đầu tư trong Công ty TNHH Dầu Thực vật Khu vực Miền Bắc Việt Nam ("NORTALIC")*

Vào ngày 29 tháng 3 năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần sở hữu trong NORTALIC cho Công ty Musim Mas Vietnam Oils & Fats Pte Ltd theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/HĐ-VOC/2017 ngày 8 tháng 2 năm 2017. Theo đó, Tổng Công ty đã ghi giảm toàn bộ giá trị khoản đầu tư vào NORTALIC tương ứng với số tiền là 151.200.000.000 VND.

**31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty.

  
 Nguyễn Phương Minh  
 Người lập

  
 Hồ Minh Sơn  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Thị Xuân Liễu  
 Tổng Giám đốc



Ngày 20 tháng 3 năm 2018